BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2026/TT-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

Dự thảo ngày 19.11.2026

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế hoạt động và quản lý tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 133/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 57/2026/NĐ-CP của Chính phủ về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 358/2026/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế hoạt động và quản lý tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 357/2026/NĐ-CP về quản lý, sử dụng nguồn thu từ cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 373/2026/NĐ-CP của Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 376/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung về cơ chế hoạt động và quản lý tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam.

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản tiếp nhận; mua, xử lý nợ và tài sản mua; xử lý tồn tại tài chính đối với doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa và doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; tái cơ cấu doanh nghiệp và quản lý tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam (sau đây gọi là DATC).

2. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp; đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp có nợ phải thu và tài sản thuộc diện bàn giao về DATC (sau đây gọi chung là doanh nghiệp chuyển đổi).

3. Doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa và doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên xử lý tồn tại tài chính trước khi xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

4. Doanh nghiệp chuyển đổi sau khi xử lý tài chính và xác định lại giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp mà giá trị thực tế của doanh nghiệp thấp hơn các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp.

5. Cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Cơ quan quyết định công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi theo quy định của pháp luật về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp (sau đây gọi chung là Cơ quan đại diện chủ sở hữu).

6. Doanh nghiệp, tổ chức đang giữ hộ tài sản, nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp chuyển đổi theo quy định của pháp luật về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp.

7. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động của DATC.

CHƯƠNG II
TIẾP NHẬN, XỬ LÝ NỢ VÀ TÀI SẢN TIẾP NHẬN

Điều 3. Bàn giao, tiếp nhận nợ và tài sản

Việc bàn giao, tiếp nhận nợ và tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định số 358/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ về cơ chế hoạt động và quản lý tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mua bán nợ Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định số 358/2026/NĐ-CP) và quy định sau:

1. Việc bàn giao, tiếp nhận nợ và tài sản căn cứ vào quyết định công bố giá trị doanh nghiệp hoặc quyết định phê duyệt quyết toán phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định pháp luật về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về chuyển đổi đơn vị

sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp hoặc văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định công bố điều chỉnh giá trị doanh nghiệp:

a) Nếu doanh nghiệp chưa ký Biên bản bàn giao nợ và tài sản với DATC thì thực hiện bàn giao nợ và tài sản theo quyết định công bố điều chỉnh giá trị doanh nghiệp.

b) Nếu doanh nghiệp đã ký Biên bản bàn giao nợ và tài sản với DATC theo quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu có văn bản đề nghị DATC thông báo hiện trạng của các khoản nợ và tài sản đã tiếp nhận theo Biên bản bàn giao theo tiêu chí: đã xử lý, thu hồi và chưa xử lý, thu hồi trước khi công bố quyết định điều chỉnh giá trị doanh nghiệp.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu, DATC có văn bản trả lời cơ quan đại diện chủ sở hữu. Trường hợp các khoản nợ và tài sản đã được DATC xử lý, thu hồi thì không thực hiện điều chỉnh lại Biên bản bàn giao theo quyết định công bố điều chỉnh giá trị doanh nghiệp. Trường hợp các khoản nợ và tài sản chưa hoàn thành việc xử lý, thu hồi thì thực hiện điều chỉnh Biên bản bàn giao theo quyết định công bố điều chỉnh giá trị doanh nghiệp.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày DATC có văn bản trả lời về hiện trạng các khoản nợ và tài sản đã tiếp nhận, các bên phải hoàn tất việc điều chỉnh Biên bản bàn giao.

3. DATC kế thừa quyền sở hữu, quyền quản lý và sử dụng đối với nợ và tài sản đã tiếp nhận kể từ ngày ký Biên bản bàn giao; thực hiện quản lý, sử dụng và hạch toán theo dõi ngoài Báo cáo tình hình tài chính và xử lý các khoản nợ và tài sản theo quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Trình tự, thủ tục bàn giao, tiếp nhận nợ và tài sản

1. Doanh nghiệp đề nghị DATC phối hợp bàn giao, tiếp nhận:

Trong thời gian tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công bố giá trị doanh nghiệp hoặc có quyết định phê duyệt quyết toán phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc nhận được văn bản chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, doanh nghiệp chuyển đổi có trách nhiệm:

a) Phân loại nợ, tài sản bàn giao

a1) Đối với nợ bàn giao: doanh nghiệp chuyển đổi thực hiện phân loại các khoản nợ phải thu theo tiêu thức bên nợ còn tồn tại và không còn tồn tại kèm theo danh mục các khoản nợ và hồ sơ có liên quan (bao gồm cả thông tin về hiện trạng từng bên nợ, tài sản bảo đảm (nếu có)).

a2) Đối với tài sản bàn giao: doanh nghiệp chuyển đổi tiến hành phân loại tài sản (kèm theo các hồ sơ liên quan, có mô tả tình trạng tài sản) theo các tiêu

thức sau:

Tài sản có giá trị thu hồi, có thể khai thác sử dụng hoặc có thể bán được.

Tài sản không có giá trị thu hồi, không bán được, cần phá dỡ, hủy bỏ.

b) Tập hợp hồ sơ có liên quan theo quy định;

c) Có văn bản đề nghị DATC (đồng gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu) phối hợp, tiến hành các thủ tục giao nhận.

2. Trong thời gian tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp chuyển đổi, DATC phối hợp với cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp chuyển đổi để hoàn tất các thủ tục bàn giao, tiếp nhận theo quy định và ký Biên bản bàn giao theo mẫu tại Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này. Biên bản bàn giao phải có chữ ký xác nhận của cơ quan đại diện chủ sở hữu (hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc hoặc Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chuyển đổi được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền bằng văn bản), DATC và doanh nghiệp.

Trường hợp chưa nhận đủ hồ sơ, tài liệu theo danh mục, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, tài liệu, DATC có văn bản đề nghị doanh nghiệp chuyển đổi bổ sung đầy đủ hồ sơ, tài liệu. Trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của DATC, doanh nghiệp chuyển đổi có trách nhiệm gửi bổ sung đầy đủ hồ sơ, tài liệu cho DATC.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký Biên bản bàn giao, doanh nghiệp chuyển đổi có trách nhiệm thông báo với bên nợ, các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan về việc chuyển giao quyền chủ nợ, quyền chủ tài sản, quyền của bên nhận bảo đảm (nếu có) cho DATC.

Điều 5. Xử lý nợ và tài sản tiếp nhận

DATC thực hiện xử lý nợ và tài sản đã tiếp nhận theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 Nghị định số 358/2026/NĐ-CP, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch và các quy định sau:

1. Đối với tài sản là quyền sử dụng đất thì việc xử lý phải đảm bảo theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Đối với tài sản tiếp nhận theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trường hợp cần thiết phải sửa chữa, nâng cấp để nâng cao hiệu quả xử lý tài sản theo quy định, DATC được sử dụng nguồn vốn kinh doanh để thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền quy định và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Số tiền thu hồi được sau khi trừ các chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa, nâng cấp tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

3. Đối với trường hợp bên nợ thanh toán đủ nợ gốc trong vòng 12 tháng kể từ ngày bên nợ cam kết trả hết nợ gốc thì DATC được xem xét giảm trừ nợ lãi chậm nộp (kể cả tiền lãi chậm thi hành án trong trường hợp có quyết định của

Tòa án) sau khi bên nợ trả hết nợ gốc theo cam kết.

Điều 6. Xử lý tài sản mất mát, thiếu hụt trong quá trình giữ hộ

1. Đối với tài sản mất mát, thiếu hụt do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng như: thiên tai, địch họa và các nguyên nhân bất khả kháng khác có xác nhận của cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc Ủy ban nhân dân xã (hoặc phường) nơi xảy ra mất mát, thiếu hụt tài sản gửi DATC thì doanh nghiệp giữ hộ tài sản không phải bồi thường. DATC thực hiện loại trừ khỏi danh mục tài sản tiếp nhận tương ứng với số tài sản mất mát, thiếu hụt đã có xác nhận do nguyên nhân khách quan.

2. Đối với tài sản mất mát, thiếu hụt do các nguyên nhân không quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp chuyển đổiphải làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan để xử lý bồi thường theo giá xác định của tổ chức có chức năng thẩm định giá đối với tài sản tương tự (cùng chủng loại, cùng công suất). Trường hợp tại thời điểm xử lý bồi thường không có tài sản tương tự thì bồi thường theo giá trị còn lại trên sổ sách của tài sản. Trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tiền bồi thường, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền bồi thường cho DATC để quản lý theo quy định tại Điều 7 Thông tư này. Trường hợp tài sản đã hết khấu hao thì xác định giá trị bồi thường bằng 20% nguyên giá theo giá trị sổ sách của tài sản.

3. Đối với tài sản mất mát, thiếu hụt là nhà cửa, vật kiến trúc tự xuống cấp, sụp đổ hoặc tài sản là vật tư, hàng hóa thuộc diện kém, mất phẩm chất do doanh nghiệp chuyển đổi tự tháo dỡ, phá hủy, hủy bỏ để tránh ô nhiễm môi trường (có hồ sơ chứng minh) và doanh nghiệp chuyển đổi có văn bản giải trình, cam kết chịu trách nhiệm về việc tự tháo dỡ, phá hủy, hủy bỏ, DATC có văn bản đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp chuyển đổi điều chỉnh giảm danh mục tài sản tương ứng tại Biên bản bàn giao.

Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của DATC, cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp chuyển đổi phối hợp với DATC ký Biên bản điều chỉnh danh mục tài sản giao nhận hoặc cơ quan đại diện chủ sở hữu có thể ủy quyền cho doanh nghiệp chuyển đổi ký Biên bản điều chỉnh danh mục tài sản giao nhận.

Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp không ký Biên bản điều chỉnh thì trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày quá thời hạn trên, DATC loại trừ không tiếp tục theo dõi những tài sản này và thông báo cho cơ quan đại diện chủ sở hữu, doanh nghiệp chuyển đổi. Cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp chuyển đổi chịu trách nhiệm về kết quả tự xử lý tài sản.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký Biên bản điều chỉnh danh mục tài sản giao nhận, doanh nghiệp chuyển đổi có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền thu được từ thanh lý tài sản do tháo dỡ, phá hủy (nếu có) về DATC để quản lý theo quy định tại Điều 7 Thông tư này. Trường hợp chậm nộp, doanh nghiệp chuyển đổi phải chịu thêm tiền lãi chậm nộp đối với toàn bộ số tiền nêu trên. Mức tính lãi chậm nộp bằng mức tính tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật

về quản lý thuế.

Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp chuyển đổi không ký Biên bản điều chỉnh thì thời điểm bắt đầu tính lãi chậm nộp là sau 20 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp chuyển đổinhận được văn bản của DATC đề nghị điều chỉnh danh mục tài sản.

4. Đối với các doanh nghiệp giữ hộ tài sản đã ngừng hoạt động hoặc giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật, DATC quyết định và chịu trách nhiệm loại trừ, không tiếp tục theo dõi trên sổ sách kế toán tương ứng với giá trị tài sản mất mát, thiếu hụt.

Điều 7. Quản lý tiền thu từ xử lý nợ và tài sản tiếp nhận

1. DATC thực hiện quản lý tiền thu từ xử lý nợ và tài sản tiếp nhận (trong đó có tiền thu từ xử lý tài sản mất mát, thiếu hụt trong quá trình giữ hộ và xử lý nợ, tài sản trước khi bàn giao cho DATC) theo quy định sau:

a) Trích 30% số tiền thu được để lại cho DATC sử dụng nhằm bù đắp các chi phí phát sinh có liên quan như: tiếp nhận, tổ chức thu hồi, quản lý, khai thác, xử lý nợ và tài sản (bao gồm cả chi phí hủy bỏ, tháo dỡ tài sản), chi phí định giá, đấu giá và các chi phí khác có liên quan.

b) Trích 10% số tiền thu được để chuyển trả doanh nghiệp giữ hộ tài sản nhằm bù đắp các chi phí quản lý, giữ hộ tài sản, thu hộ nợ, phối hợp, hỗ trợ để nhận đền bù tài sản trên đất khi thu hồi đất.

Trường hợp doanh nghiệp giữ hộ tài sản không phối hợp, hỗ trợ DATC trong quá trình xử lý nợ và tài sản; không cung cấp thông tin để nhận tiền sau khi DATC đề nghị bằng văn bản ba lần trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh nguồn thu; tự ý xử lý tài sản trước khi bàn giao cho DATC; làm mất mát, thiếu hụt tài sản trong quá trình giữ hộ do các nguyên nhân không quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này thì không được nhận khoản tiền này.

c) Số tiền còn lại sau khi trừ các khoản được chi theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này, DATC có trách nhiệm nộp về ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 357/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Nghị định số 357/2026/NĐ-CP) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp chậm nộp, DATC phải nộp thêm tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

2. Trường hợp tài sản tiếp nhận được xử lý theo hình thức quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 13 Nghị định số 358/2026/NĐ-CP, DATC thanh toán các nội dung nêu tại khoản 1 Điều này khi phát sinh nguồn thu.

3. DATC quản lý tiền thu từ xử lý nợ và tài sản tiếp nhận theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ như sau:

a) Trích 30% số tiền thu được để lại cho DATC. Số tiền còn lại DATC

thực hiện nộp ngân sách theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp nguồn thu từ xử lý nợ và tài sản theo chỉ định không đủ để bù đắp chi phí thu hồi, xử lý nợ và tài sản, DATC báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp bàn giao xem xét, xử lý theo phương án mua nợ, mua tài sản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Xử lý nợ và tài sản trước khi bàn giao cho DATC

1. Đối với các tài sản, trước khi thực hiện bàn giao cho DATC, doanh nghiệp chuyển đổi không được tự xử lý khi chưa có văn bản chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu và DATC.

Trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi tự xử lý tài sản khi chưa được cơ quan đại diện chủ sở hữu và DATC chấp thuận, cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo doanh nghiệp chuyển đổilàm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định, đồng thời thông báo cho DATC.

2. Đối với tiền thu từ thu hồi nợ và xử lý tài sản trước bàn giao cho DATC, doanh nghiệp chuyển đổi có trách nhiệm nộp về DATC trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày thu được tiền. Trong đó:

a) Trường hợp chậm nộp về DATC, doanh nghiệp chuyển đổi phải chịu thêm tiền lãi chậm nộp đối với toàn bộ số tiền nêu trên. Mức lãi chậm nộp thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này.

b) Trường hợp có quyết định của Tòa án về nghĩa vụ thanh toán cho DATC (bao gồm cả nợ gốc và tiền lãi chậm nộp) thì doanh nghiệp chuyển đổi thực hiện theo quyết định của Tòa án và không được nhận phí quản lý, giữ hộ tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

3. Đối với tiền thu được từ thu hồi nợ và xử lý tài sản theo quyết định của Tòa án, cơ quan thi hành án, căn cứ số tiền thực tế thu hồi được, doanh nghiệp chuyển đổi nộp về DATC trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thu được tiền. Trường hợp chậm nộp, doanh nghiệp chuyển đổiphải chịu thêm tiền lãi chậm nộp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi thanh toán đủ tiền thu được từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản trước khi bàn giao cho DATC trong vòng 12 tháng kể từ ngày doanh nghiệp cam kết thì DATC xem xét, giảm trừ nợ lãi chậm nộp (kể cả tiền lãi chậm thi hành án trong trường hợp có quyết định của Tòa án) sau khi doanh nghiệp chuyển đổi trả hết số tiền đã thu hồi theo cam kết.

CHƯƠNG III
MUA, XỬ LÝ NỢ VÀ TÀI SẢN MUA

Điều 9. Mua, xử lý nợ và tài sản mua để kinh doanh

DATC mua nợ và tài sản theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8, khoản 2, khoản 3 Điều 9 và khoản 2 Điều 10 Nghị định số 358/2026/NĐ-CP và quy định sau:

1. Các khoản nợ phải thu, tài sản phát sinh từ nghiệp vụ mua nợ, mua tài

sản của DATC (trong đó có tài sản cấn trừ nợ) là hàng hóa và được quản lý, theo dõi theo từng khoản nợ hoặc nhóm khoản nợ, từng tài sản hoặc nhóm tài sản theo từng phương án xử lý. DATC được thanh toán bằng tiền hoặc trái phiếu, các công cụ thanh toán khác theo thỏa thuận với bên bán nợ, tài sản phù hợp với quy định pháp luật.

2. Việc quản lý, giám sát tại doanh nghiệp mà DATC sở hữu phần vốn mua của Bên nợ hoặc bên thứ ba để kiểm soát rủi ro trong quá trình thu hồi nợ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 358/2026/NĐ-CP thực hiện theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của DATC.

3. Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc theo phân cấp của Hội đồng thành viên quyết định chia tách, gộp khoản nợ, nhóm khoản nợ và quyết định các hình thức, nội dung xử lý nợ đối với các phương án mua nợ thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 358/2026/NĐ-CP và quy định sau:

a) DATC thu nợ từ bên nợ và bên thứ ba bằng tiền, tài sản và công cụ nợ (trái phiếu, hối phiếu) theo quy định như sau:

a1) Tài sản thu nợ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định số 358/2026/NĐ-CP được theo dõi theo từng loại tài sản, từng đối tượng phù hợp với phương án mua nợ và phương án xử lý tài sản thu nợ.

a2) Trái phiếu, hối phiếu thu nợ được xử lý theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 358/2026/NĐ-CP, đảm bảo nguyên tắc thuận lợi hơn cho DATC trong việc thu hồi nợ. Trái phiếu, hối phiếu phải được định giá thông qua tổ chức có chức năng thẩm định giá và đảm bảo có đủ hồ sơ, điều kiện để chuyển giao quyền sở hữu giữa các bên theo quy định pháp luật.

b) Việc quản lý, đầu tư, khai thác, xử lý tài sản liên quan đến khoản nợ mua theo quy định tại khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 358/2026/NĐ-CP và quy định sau:

b1) DATC quản lý, khai thác tài sản bảo đảm thực hiện trên cơ sở thỏa thuận với bên bảo đảm và Bên nợ. Nguồn thu từ việc cho thuê, khai thác tài sản là nguồn thu nợ; chi phí quản lý, cho thuê, khai thác tài sản bảo đảm thực hiện theo thỏa thuận đảm bảo phù hợp với phương án mua, xử lý nợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b2) Đối với phần vốn mua của bên nợ hoặc bên thứ ba theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 358/2026/NĐ-CP được xử lý theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 358/2026/NĐ-CP và Điều 16 Thông tư này trong trường hợp bên nợ vi phạm cam kết.

c) Cơ cấu lại nợ theo các hình thức:

Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, khoanh nợ, gia hạn nợ và điều chỉnh lãi suất khoản nợ phù hợp với khả năng trả nợ của bên nợ, điều kiện thu nợ, đảm bảo phương án mua nợ có hiệu quả.

Trường hợp DATC điều chỉnh mức lãi suất của khoản nợ phù hợp với khả năng trả nợ của bên nợ và điều kiện thị trường, nhưng không thấp hơn mức lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng bình quân công bố bởi Sở Giao dịch của bốn ngân hàng thương mại lớn (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam) tại cùng thời điểm xem xét điều chỉnh lãi suất. Lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của mỗi ngân hàng là lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng do ngân hàng đó công bố trên Website hoặc thông báo bằng văn bản quy định mức lãi suất áp dụng đối với khách hàng là tổ chức;

d) Giảm trừ một phần nghĩa vụ trả nợ

Giảm trừ nghĩa vụ trả nợ lãi và một phần nợ gốc: Giảm trừ nghĩa vụ trả nợ cho bên nợ của từng khoản nợ, nhóm nhiều khoản nợ đã mua hoặc chia tách, gộp khoản nợ, lô khoản nợ để xử lý từ nguồn chênh lệch giữa giá trị sổ sách khoản nợ mua và giá mua nợ nhưng phải đảm bảo phương án mua, xử lý nợ có hiệu quả.

đ) Trường hợp chia tách, gộp khoản nợ, lô khoản nợ để xử lý, DATC được phân bổ giá mua nợ theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với khả năng thu hồi khoản nợ, lô khoản nợ sau chia tách; phương án xử lý nợ sau chia tách, gộp được đánh giá có hiệu quả.

e) Thỏa thuận với chủ sở hữu doanh nghiệp về việc xử lý nợ thông qua biện pháp chuyển nợ thành vốn góp để tham gia tái cơ cấu doanh nghiệp theo quy định tại Mục 5 Chương II Nghị định số 358/2026/NĐ-CP và Mục 1 Chương IV Thông tư này.

CHƯƠNG IV
XỬ LÝ TỒN TẠI TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA, CHUYỂN ĐỔI THÀNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN VÀ TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP

MỤC 1. XỬ LÝ TỒN TẠI TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA VÀ DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI THÀNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Điều 10. Nguyên tắc xử lý tồn tại tài chính

1. Doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa và doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận toàn bộ các khoản nợ phải trả các tổ chức, cá nhân và phối hợp với DATC để xử lý tồn tại tài chính trước khi xác định giá trị doanh nghiệp.

2. Phương án xử lý tồn tại tài chính được thực hiện trên nguyên tắc đồng thuận giữa cơ quan đại diện chủ sở hữu, doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa và doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và DATC (lập biên bản thỏa thuận giữa các bên). DATC được

quyền chủ động đàm phán mua nợ với các chủ nợ và đề xuất phương án xử lý tồn tại tài chính phù hợp với quy định của pháp luật.

3. DATC chỉ quyết định mua nợ sau khi đã thỏa thuận, thống nhất với cơ quan đại diện chủ sở hữu và có kết quả đàm phán mua nợ với các chủ nợ của doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa và doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Phương án mua bán nợ để xử lý tồn tại tài chính phải đảm bảo có tính khả thi, có khả năng thu hồi vốn hiệu quả và đủ nguồn chênh lệch giữa giá mua nợ với giá trị sổ sách khoản nợ để xử lý tồn tại tài chính.

4. DATC thực hiện xử lý nợ theo quy định tại mục 3 Chương II của Nghị định số 358/2026/NĐ-CP, Chương III Thông tư này và pháp luật khác có liên quan.

5. Trường hợp đến thời điểmxác định giá trị doanh nghiệp mà phương án xử lý tồn tại tài chính chưa hoàn thành thì doanh nghiệp tiếp tục phối hợp với DATC để thực hiện.

MỤC 2. TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Điều 11. Nguyên tắc tái cơ cấu doanh nghiệp

1. Phương án tái cơ cấu được thực hiện trên nguyên tắc đồng thuận giữa cơ quan đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp tái cơ cấu với DATC và/hoặc các chủ nợ tham gia tái cơ cấu (lập biên bản thỏa thuận giữa các bên). DATC được quyền chủ động đàm phán mua nợ với các chủ nợ và đề xuất phương án tái cơ cấu doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

2. DATC chỉ quyết định mua nợ sau khi đã thỏa thuận, thống nhất với cơ quan đại diện chủ sở hữu và có kết quả đàm phán mua nợ với các chủ nợ của doanh nghiệp tái cơ cấu. Phương án mua bán nợ để tái cơ cấu doanh nghiệp phải đảm bảo có tính khả thi, có khả năng thu hồi vốn hiệu quả và đủ nguồn chênh lệch giữa giá mua nợ với giá trị sổ sách khoản nợ để xử lý tài chính, chuyển đổi doanh nghiệp thành công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định. Xử lý thu hồi vốn tại doanh nghiệp tái cơ cấu thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Thông tư này.

3. Trường hợp phương án mua nợ để tái cơ cấu doanh nghiệp không khả thi và hiệu quả thì Ban chỉ đạo chuyển đổi/tái cơ cấu báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định hình thức chuyển đổi khác theo quy định của pháp luật.

4. Ngoài các nội dung quy định tại Thông tư này, doanh nghiệp tái cơ cấu, DATC và các cơ quan có liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 12. Nội dung tái cơ cấu doanh nghiệp

1. Phương án tái cơ cấu gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Thực trạng của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp;

b) Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp (sau khi được DATC và các chủ nợ khảo sát, đánh giá) và những vấn đề cần tiếp tục xử lý để đảm bảo doanh nghiệp có đủ điều kiện chuyển đổi.

c) Nội dung phương án xử lý tài chính thuộc trách nhiệm của DATC và các chủ nợ theo đàm phán và cam kết của các bên.

d) Vốn điều lệ theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

đ) Phương án chuyển nợ thành vốn góp của DATC và các chủ nợ; Phương án xử lý số cổ phần, phần vốn góp không bán hết.

e) Cơ cấu vốn điều lệ, giá khởi điểm và phương thức phát hành cổ phiếu, phương thức chuyển nhượng phần vốn theo quy định.

g) Dự thảo Điều lệ hoạt động của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

h) Phương án sắp xếp lại lao động.

i) Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3-5 năm tiếp theo.

k) Bảng thống kê hiện trạng sử dụng đất đang được doanh nghiệp quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật sau khi chuyển thành công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trên nguyên tắc không gắn với chuyển đổi mục đích sử dụng đất và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

2. Quy trình tái cơ cấu doanh nghiệp để chuyển thành công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thực hiện theo Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư này.

Điều 13. Xử lý tài chính

1. Xử lý tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp

Doanh nghiệp tái cơ cấu thực hiện xử lý tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Xử lý tài chính theo phương án tái cơ cấu

a) Nguyên tắc xử lý tài chính:

Việc xử lý tài chính đối với doanh nghiệp tái cơ cấu phải gắn với phương án tái cơ cấu đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt. Việc giảm trừ nghĩa vụ trả nợ phải gắn liền với việc DATC chuyển nợ, tài sản thành vốn góp tại doanh nghiệp và không làm thay đổi trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đã gây ra tổn thất tài chính trước đây.

Đảm bảo công khai, minh bạch và chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Trường hợp các tổ chức, cá nhân có liên quan khi thực hiện xử lý tài chính không chấp hành đúng chế độ quy định, gây thất thoát vốn, tài sản thì tổ chức, cá nhân đó chịu trách nhiệm bồi thường và xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

b) Nội dung xử lý tài chính:

Hội đồng thành viên DATC quyết định xử lý tài chính doanh nghiệp tái cơ cấu theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 358/2026/NĐ-CP.

Điều 14. Chuyển nợ thành vốn góp và bán cổ phần, phần vốn góp lần đầu

1. DATC và các chủ nợ tham gia tái cơ cấu doanh nghiệp được chuyển nợ thành vốn góp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lêntheo nguyên tắc thỏa thuận và được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trong phương án tái cơ cấu.

2. Doanh nghiệp tái cơ cấu thực hiện trình tự, thủ tục, phương thức bán và giá bán cổ phần, phần vốn góp lần đầu theo quy định pháp luật về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 15. Xử lý số cổ phần, phần vốn góp không bán hết

Doanh nghiệp tái cơ cấu có trách nhiệm thực hiện xử lý số cổ phần, phần vốn góp không bán hết theo quy định của pháp luật về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Trong đó:

1. Trường hợp không bán hết số cổ phần, phần vốn góp cho các nhà đầu tư theo phương thức thỏa thuận sau khi bán đấu giá công khai không thành công hoặc không bán hết số cổ phần, phần vốn góp chào bán của cuộc đấu giá công khai theo quy định của pháp luật về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì Ban chỉ đạo chuyển đổi/tái cơ cấu xem xét, quyết định chào bán cho DATC và các chủ nợ theo nguyên tắc thỏa thuận và giá bán cổ phần, phần vốn góp không thấp hơn mệnh giá.

2. Trường hợp DATC và các chủ nợ vẫn không mua hết số cổ phần, phần vốn góp chào bán quy định tại khoản 1 Điều này thì Ban chỉ đạo chuyển đổi/tái cơ cấu báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ để chuyển doanh nghiệp chuyển đổi thành công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng thành viên lần thứ nhất.

MỤC 3. XỬ LÝ THU HỒI VỐN TẠI DOANH NGHIỆP TÁI CƠ CẤU

Điều 16. Xử lý thu hồi vốn hình thành từ hoạt động chuyển nợ thành vốn góp đối với doanh nghiệp tái cơ cấu

Hội đồng thành viên DATC quyết định phương án xử lý thu hồi vốn hình thành từ hoạt động chuyển nợ thành vốn góp tại doanh nghiệp tái cơ cấu theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 358/2026/NĐ-CP và quy định sau:

1. Chuyển nhượng vốn hình thành từ hoạt động chuyển nợ thành vốn góp tại doanh nghiệp tái cơ cấu, bao gồm: vốn hình thành từ hoạt động chuyển nợ thành vốn góp, vốn mua thêm để giữ tỷ lệ nắm giữ của DATC tại doanh nghiệp tái cơ cấu.

2. Đối với chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán (hoặc đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường nhưng không thực hiện giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán), DATC thực hiện chuyển nhượng vốn theo hình thức đấu giá công khai (đấu giá thông thường hoặc đấu giá theo lô). Trường hợp đấu giá công khai không thành công hoặc không chuyển nhượng hết số cổ phần đấu giá thì thực hiện theo hình thức thỏa thuận. Trong đó:

a) Giá khởi điểm để chuyển nhượng lần đầu được xác định trên cơ sở Chứng thư thẩm định giá còn hiệu lực do tổ chức có chức năng thẩm định giá cung cấp theo quy định của pháp luật thẩm định giá.

b) Việc điều chỉnh giá khởi điểm được thực hiện như sau:

Trường hợp đấu giá công khai không thành công hoặc không chuyển nhượng hết số cổ phần đấu giá thì thực hiện bán thỏa thuận với giá không thấp hơn giá khởi điểm bán đấu giá công khai. Trường hợp thỏa thuận không thành công hoặc không chuyển nhượng hết số cổ phần thì DATC được điều chỉnh giá chào bán để tiếp tục chuyển nhượng trong các lần bán tiếp theo. Mức giảm giá tối đa mỗi lần không quá 10% so với giá chào bán lần trước liền kề.

3. Đối với chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch hoặc niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, DATC thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy định sau:

a) Giá khởi điểm lần đầu DATC quyết định công bố tại ngày phê duyệt phương án không thấp hơn các mức giá: (i) giá xác định của tổ chức có chức năng thẩm định giá; (ii) giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của mã chứng khoán đã giao dịch của công ty cổ phần niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán.

b) Trường hợp chuyển nhượng không thành công hoặc chuyển nhượng không hết số cổ phần chào bán thì DATC được điều chỉnh giá theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 18 Nghị định 358/2026/NĐ-CP.

Điều 17. Xử lý thu hồi vốn kèm nợ phải thu tại doanh nghiệp tái cơ cấu

DATC được chuyển nhượng vốn kèm nợ phải thu tại các doanh nghiệp đồng thời có vốn góp và nợ phải thu của DATC theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 358/2026/NĐ-CP và Điều 16 Thông tư này.

CHƯƠNG V
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA DATC

Điều 18. Nguồn thu từ hoạt động kinh doanh

1. Nguồn thu từ xử lý nợ:

a) Nguồn thu từ xử lý nợ mua:

a1) Toàn bộ số tiền thu được từ Bên nợ hoặc Bên trả nợ thay hoặc thi hành án hoặc các khoản bồi thường;

a2) Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, bồi thường và xử lý tài sản bảo đảm sau khi trừ các khoản chi nếu có (trong đó có các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật) phát sinh liên quan đến tài sản bảo đảm hoặc Bên có tài sản bảo đảm theo thoả thuận giữa các bên và phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

a3) Toàn bộ số tiền thu được từ các Hợp đồng, Quy chế đấu giá khi thực hiện: bán nợ, công cụ nợ; cho thuê, khai thác tài sản bảo đảm; bán, cho thuê, khai thác và xử lý tài sản cấn trừ nợ; chuyển nhượng phần vốn tại doanh nghiệp; chuyển nhượng các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản cấn trừ nợ và phần vốn góp tại doanh nghiệp;

a4) Giá trị tài sản cấn trừ nợ, giá trị phần vốn góp khi chuyển nợ tại doanh nghiệp tái cơ cấu, giá trị phần vốn góp khi góp vốn bằng tài sản cấn trừ nợ ghi nhận tương ứng với giá trị khoản nợ bù trừ vào giá mua nợ.

a5) Toàn bộ số tiền thu được từ Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn theo thỏa thuận với Bên nợ hoặc bên thứ ba khi mua để kiểm soát rủi ro trong quá trình thu hồi nợ;

a6) Toàn bộ nguồn thu được từ xử lý nợ mua theo phương án chỉ định (nếu có) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Nguồn thu từ xử lý nợ tiếp nhận:

Toàn bộ số tiền thu được từ thu trực tiếp từ Bên nợ; thu từ doanh nghiệp xử lý trước khi bàn giao và lãi chậm nộp (nếu có); thu từ Hợp đồng bán các khoản nợ tiếp nhận; thu thông qua thi hành án hoặc bên thứ ba trả nợ thay; thu từ các Hợp đồng bán, cho thuê, khai thác, bồi thường tài sản bảo đảm khoản nợ; thu từ xử lý nợ tiếp nhận theo phương án chỉ định được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nguồn thu từ xử lý tài sản

a) Nguồn thu từ xử lý tài sản mua theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 358/2026/NĐ-CP: là toàn bộ số tiền thu được từ các Hợp đồng khi thực hiện bán, cho thuê, khai thác, bồi thường và xử lý tài sản đã mua.

b) Nguồn thu từ xử lý tài sản tiếp nhận: là toàn bộ số tiền thu được từ doanh nghiệp xử lý tài sản trước khi bàn giao, tiền thu hồi giá trị tài sản mất mát, thiếu hụt trong quá trình giữ hộ và lãi chậm nộp (nếu có); thu từ bán, cho thuê, khai thác và xử lý tài sản tiếp nhận; thu từ thụ hưởng, chuyển nhượng các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản tiếp nhận, phần vốn góp tại doanh nghiệp đã góp vốn bằng tài sản tiếp nhận; thu từ ủy thác doanh nghiệp xử lý tài sản; thu từ xử lý theo phương án chỉ định được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Nguồn thu từ quản lý, khai thác, xử lý nợ và tài sản có nguồn gốc từ

Chính phủ/Nhà nước; quản lý, khai thác tài sản công theo quyết định của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

4. Nguồn thu từ các Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn xử lý nợ, tài sản, mua, bán, sáp nhập, tái cơ cấu doanh nghiệp; hợp đồng cung cấp dịch vụ về thẩm định giá, quản lý nợ và tài sản.

Điều 19. Doanh thu và chi phí

1. Doanh thu hoạt động kinh doanh của DATC là toàn bộ nguồn thu phát sinh được ghi nhận doanh thu theo quy định tại Điều 18 Thông tư này, trong đó:

a) Đối với hoạt động mua bán xử lý nợ, DATC ghi nhận doanh thu không bao gồm nguồn thu quy định tại điểm a4 khoản 1 Điều 18 Thông tư này.

b) Đối với hoạt động xử lý nợ, tài sản tiếp nhận, DATC ghi nhận doanh thu là 30% nguồn thu quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 18 Thông tư này;

c) Đối với hoạt động quản lý, khai thác, xử lý nợ và tài sản có nguồn gốc từ Chính phủ/Nhà nước; quản lý, khai thác tài sản công, DATC ghi nhận doanh thu theo nguồn thu quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư này;

d) Đối với các phương án xử lý nợ mua theo chỉ định của cấp có thẩm quyền, DATC ghi nhận doanh thu phù hợp với phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chi phí của DATC bao gồm:

2.1. Chi phí hoạt động mua, xử lý nợ và tài sản mua:

Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình mua, quản lý, xử lý nợ và tài sản mua, bao gồm:

a) Chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến hoạt động mua, xử lý nợ và tài sản, trong đó có:

a1) Chi phí thuê dịch vụ bên ngoài phục vụ hoạt động mua, quản lý, khai thác và xử lý nợ, tài sản, tái cơ cấu doanh nghiệp;

a2) Chi phí quản lý, bảo quản, duy trì, khai thác, cho thuê, đầu tư hoàn thiện và xử lý tài sản, dự án do DATC quản lý để xử lý;

a3) Chi phí cho cán bộ DATC được cử làm việc tại các doanh nghiệp có vốn góp của DATC hoặc các doanh nghiệp trong quá trình tái cơ cấu;

b) Kết chuyển giá mua nợ vào chi phí tương ứng với số tiền thu trong phạm vi giá mua nợ còn lại khi phát sinh nguồn thu từ việc xử lý nợ theo phương án xử lý nợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó:

b1) Đối với hình thức thu hồi trực tiếp từ Bên nợ, Bên trả nợ thay hoặc từ quản lý, khai thác, xử lý tài sản bảo đảm, trường hợp khoản nợ được thu hồi nhiều lần thì kết chuyển giá mua nợ từng lần tương ứng với số tiền thu trong phạm vi giá mua nợ theo cam kết phù hợp với phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b2) Đối với hình thức bán nợ:

- Bán từng phần hoặc gộp khoản nợ, lô khoản nợ để bán: Thực hiện chia tách từng phần hoặc gộp khoản nợ, lô khoản nợ để ghi nhận giá mua nợ và kết chuyển chi phí tương ứng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bán toàn bộ khoản nợ, lô khoản nợ: Trường hợp chuyển giao từng phần kết chuyển từng phần giá mua nợ vào chi phí trong kỳ theo phương án bán nợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b3) Trường hợp phát sinh thu nhập từ các hợp đồng bán nợ thực hiện kết chuyển giá mua nợ tương ứng vào chi phí trong kỳ.

c) Bán tài sản cấn trừ nợ, chuyển nhượng phần vốn góp là tài sản cấn trừ nợ, chuyển nhượng phần vốn góp tại doanh nghiệp tái cơ cấu và chuyển nhượng phần vốn góp khi góp vốn bằng tài sản mua và tài sản cấn trừ nợ:

Trường hợp bán và chuyển giao từng phần, kết chuyển chi phí theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Chi phí chia sẻ lợi ích theo phương án xử lý nợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Các khoản chi phí không đủ nguồn để bù đắp, các khoản chi phí phát sinh trong quá trình quản lý, cho thuê, khai thác tài sản bảo đảm.

e) Trường hợp DATC mua nợ, tài sản theo chỉ định để xử lý, thu hồi, DATC được kết chuyển toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện mua và xử lý nợ, tài sản theo chỉ định.

2.2. Chi phí hoạt động tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản tiếp nhận:

a) Chi phí hoạt động tiếp nhận nợ, tài sản là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình DATC tiếp nhận, quản lý, xử lý nợ và tài sản tiếp nhận.

b) Chi phí hoạt động tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản tiếp nhận theo chỉ định theo phương án được cấp có thẩm quyền quyết định.

2.3. Chi phí hoạt động quản lý, khai thác, xử lý nợ và tài sản có nguồn gốc từ Chính phủ/Nhà nước; quản lý, khai thác tài sản công theo quyết định của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

2.4. Các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc xác định doanh thu, chi phí, thu nhập khác cho mục đích tính thuế, thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 20. Trích lập và xử lý các khoản dự phòng

DATC thực hiện trích lập, xử lý các khoản dự phòng theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 358/2026/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này. Việc trích lập các khoản nợ phát sinh từ hoạt động mua, bán, xử lý nợ, tái cơ cấu doanh nghiệp, DATC trích lập dự phòng như sau:

1. Căn cứ xác định:

Đối với các khoản nợ đang thực hiện trích lập dự phòng theo cam kết trả nợ, trường hợp có bằng chứng xác định bên nợ hoặc bên cam kết trả nợ thay không trả được nợ theo cam kết, xuất hiện một trong các dấu hiệu như: thường xuyên không trả nợ đúng hạn hoặc đã điều chỉnh kế hoạch trả nợ nhiều lần, dừng hoạt động, không còn bộ máy quản lý doanh nghiệp, không lập báo cáo tài chính từ 2 năm trở lên, bị cưỡng chế hóa đơn, không hoạt động tại địa chỉ đăng ký thuế, DATC được xem xét đánh giá và nâng mức trích lập dự phòng nhưng không vượt quá mức trích lập dự phòng tương ứng nếu xác định thời gian quá hạn kể từ thời điểm chuyển giao quyền chủ nợ.

2. DATC không phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với:

a) Nợ tiếp nhận từ các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp hoặc theo chỉ định của cấp có thẩm quyền;

b) Nợ phải thu khi DATC thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ định của cấp có thẩm quyền.

c) Nợ tiếp nhận có nguồn gốc từ Chính phủ/Nhà nước (nợ vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, nợ hình thành từ vốn vay Chính phủ bảo lãnh) theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

CHƯƠNG VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu

Cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện các quyền và trách nhiệm theo quy định của pháp luật về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, trong đó:

1. Trách nhiệm xử lý tồn tại tài chính của doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên

a) Chỉ đạo doanh nghiệp phối hợp với DATC và các chủ nợ để tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng doanh nghiệp trước khi xây dựng phương án xử lý tồn tại tài chính.

b) Thỏa thuận với DATC, các chủ nợ về phương án xử lý tồn tại tài chính thông qua xử lý nợ theo quy định tại Thông tư này.

2. Trách nhiệm trong thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp không đủ điều kiện cổ phần hóa và chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên

a) Chỉ đạo doanh nghiệp tái cơ cấu phối hợp với DATC và các chủ nợ để tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng doanh nghiệp trước khi tham gia tái cơ cấu.

b) Thỏa thuận với DATC, các chủ nợ về phương án tái cơ cấu doanh nghiệp thông qua xử lý nợ theo quy định tại Thông tư này.

c) Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án tái cơ cấu theo quy định tại Thông tư này và các nội dung đã thỏa thuận với DATC, các chủ nợ tham gia tái cơ cấu.

d) Kiểm tra, giám sát Ban chỉ đạo chuyển đổi/tái cơ cấu và doanh nghiệp tái cơ cấu trong việc triển khai phương án tái cơ cấu.

3. Trách nhiệm trong bàn giao, tiếp nhận nợ và tài sản

a) Chỉ đạo, giám sát doanh nghiệp chuyển đổi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu và lập kế hoạch thực hiện bàn giao nợ, tài sản; giám sát việc thực hiện quản lý nợ và tài sản khi chưa bàn giao về DATC.

b) Chủ trì xử lý các khoản nợ và tài sản không thuộc diện bàn giao cho DATC theo quy định tại Thông tư này sau khi nhận được văn bản thông báo của DATC.

c) Chủ trì xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình bàn giao; xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân gây hư hỏng, mất mát tài sản hoặc thanh lý, nhượng bán tài sản trước khi bàn giao nhưng chưa được chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu và DATC.

d) Chủ trì, xử lý các khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền theo đề nghị của doanh nghiệp chuyển đổi và DATC hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp vượt thẩm quyền.

Điều 22. Trách nhiệm của doanh nghiệpchuyển đổi trong bàn giao, tiếp nhận nợ và tài sản

1. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan, phân loại nợ và tài sản để thực hiện bàn giao theo quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các hồ sơ, tài liệu.

2. Tiếp tục giữ hộ tài sản theo đề nghị của DATC và thông báo công khai đến các cổ đông (trong trường hợp đã chính thức chuyển thành công ty cổ phần) về việc tiếp tục giữ hộ tài sản nhà nước. Tổ chức quản lý, bảo quản, không để xảy ra mất mát, thiếu hụt tài sản trong quá trình giữ hộ tài sản.

3. Phối hợp với DATC trong việc xử lý nợ và tài sản đã bàn giao.

Điều 23. Trách nhiệm của Ban chỉ đạo chuyển đổi/tái cơ cấu doanh nghiệp không đủ điều kiện cổ phần hóa và chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên

Ban chỉ đạo chuyển đổi/tái cơ cấu doanh nghiệp thực hiện các quyền và trách nhiệm theo quy định pháp luật về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, trong đó:

1. Giúp cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc chuyển doanh nghiệp tái cơ cấu thành công ty cổ phần.

2. Rà soát, trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt phương án tái cơ cấu theo quy định tại Thông tư này.

3. Báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt các khoản chi phí chuyển đổi, chi cho người lao động dôi dư, tinh giản biên chế và số tiền thu từ tái cơ cấu phải nộp.

4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện phương án tái cơ cấu theo quy định tại Thông tư này và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 24. Trách nhiệm của doanh nghiệp không đủ điều kiện cổ phần hóa, chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên

1. Chịu trách nhiệm cung cấp tài liệu, thông tin đầy đủ, chính xác về doanh nghiệp, tạo điều kiện để DATC và các chủ nợ tham gia phương án tái cơ cấu nghiên cứu, đánh giá thực trạng của doanh nghiệp trước khi xây dựng phương án tái cơ cấu.

2. Phối hợp với DATC và các chủ nợ xây dựng phương án tái cơ cấu, trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định.

3. Báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, thỏa thuận với DATC để triển khai các bước của quá trình tái cơ cấu theo quy định tại Thông tư này trong trường hợp doanh nghiệp chưa thực hiện xử lý tài chính và xác định lại giá trị doanh nghiệp nhưng theo báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm gần nhất có tổng tài sản thấp hơn các khoản nợ phải trả.

4. Tổ chức triển khai phương án tái cơ cấu, quản lý, sử dụng tiền thu từ tái cơ cấu theo quy định tại Thông tư này và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Trường hợp có tổn thất xảy ra do vi phạm, không thực hiện đúng các quy định thì doanh nghiệp tái cơ cấu và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm bồi thường, xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Kết thúc quá trình tái cơ cấu, doanh nghiệp phải quyết toán kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, tinh giản biên chế và chi phí chuyển đổi, báo cáo Ban chỉ đạo tái cơ cấu trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

6. Doanh nghiệp tái cơ cấu thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 25. Trách nhiệm của các chủ nợ tham gia tái cơ cấu doanh nghiệp không đủ điều kiện cổ phần hóa, chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1. Phối hợp với DATC, cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp tái cơ cấu trong quá trình tổ chức triển khai phương án tái cơ cấu. Thực hiện xử lý tài chính cho doanh nghiệp tái cơ cấu theo cam kết và phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt.

2. Tham gia vào Ban chỉ đạo chuyển đổi/tái cơ cấu và Tổ giúp việc để triển khai phương án tái cơ cấu (nếu cần).

3. Cử người đại diện phần vốn góp tại doanh nghiệp tái cơ cấu (nếu có)

theo quy định.

Điều 26. Trách nhiệm của DATC

1. Thực hiện tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản loại trừ theo quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan. Phối hợp với doanh nghiệp xây dựng kế hoạch tiếp nhận, xử lý tài sản tiếp nhận thuộc nhóm cần phá dỡ, hủy bỏ.

2. Đôn đốc doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nộp tiền thu từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản loại trừ trước khi bàn giao cho DATC. Thông báo nợ lãi chậm nộp (nếu có), đối chiếu, đôn đốc thu hồi lãi chậm nộp của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Nộp tiền thu từ xử lý, thu hồi nợ và tài sản về ngân sách nhà nước theo quy định.

4. Theo dõi, hạch toán nợ và tài sản loại trừ đã tiếp nhận theo quy định tại Quy chế tài chính của DATC.

5. Hội đồng thành viên DATC ban hành quy chế trích lập và xử lý các khoản dự phòng của DATC.

6. Hội đồng thành viên DATC ban hành quy chế quản lý, giám sát đối với doanh nghiệp có phần vốn góp của DATC phù hợp với tính chất của từng khoản vốn góp.

Điều 27. Trách nhiệm của bên nợ

1. Phối hợp với cơ quan đại diện chủ sở hữu, DATC và doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện các thủ tục bàn giao các khoản nợ.

2. Thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho DATC kể từ ngày ký Biên bản bàn giao.

3. Phối hợp với DATC thực hiện các hình thức xử lý nợ phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các phương án mua, xử lý nợ, tài sản, chuyển nhượng vốn đầu tư đã được phê duyệt trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì DATC được lựa chọn tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt hoặc sửa đổi, bổ sung phương án để thực hiện theo quy định tại Nghị định số 358/2026/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Đối với các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập đã có quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện bàn giao nợ và tài sản thì trong thời gian 15 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thông báo bằng văn bản đề nghị DATC (đồng gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu) phối hợp, tiến hành các thủ tục tiếp nhận theo quy định tại Thông tư này.

3. Đối với tiền thu được từ thu hồi nợ và xử lý tài sản theo Quyết định của Tòa án, cơ quan thi hành án trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập chưa nộp về DATC thì doanh

nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

4. Đối với các khoản nợ đã tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực chưa được xử lý mà không có đủ hồ sơ và theo dõi từ 10 năm trở lên thì Hội đồng thành viên DATC xử lý theo thẩm quyền.

5. Đối với các khoản nợ tiếp nhận là khoản chi phí của doanh nghiệp đã bị xuất toán hoặc đã chi quá quỹ khen thưởng, phúc lợi thuộc đối tượng bàn giao cho DATC phát sinh trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì được đánh giá, xem xét xử lý như khoản nợ không thu hồi được theo quy định tại Thông tư này.

6. Đối với trường hợp doanh nghiệp giữ hộ tài sản không cung cấp thông tin để nhận 10% số tiền từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì DATC nộp về ngân sách nhà nước.

7. Xử lý các khoản dự phòng đã trích lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Trường hợp mức dự phòng đã trích lập của từng phương án cao hơn mức trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư này thì DATC không phải hoàn nhập các khoản dự phòng;

b) Trường hợp mức dự phòng đã trích lập của từng phương án thấp hơn mức trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư này thì DATC trích lập bổ sung cho đủ theo quy định tại Thông tư này.

8. Đối với các doanh nghiệp có quyết định cổ phần hóa, chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa hoàn tất xử lý tài chính để xác định giá trị doanh nghiệp thì được áp dụng cơ chế xử lý tài chính tại Chương IV Thông tư này.

9. Các khoản chi phí thực hiện nhiệm vụ chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phát sinh trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực được hạch toán vào chi phí của DATC.

Điều 29. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày …..,

2. Thông tư này thay thế cho các Thông tư:

a) Thông tư số 62/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế tài chính của DATC;

b) Thông tư số 05/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn tái cơ cấu doanh nghiệp không đủ điều kiện cổ phần hóa và chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ;

c) Thông tư số 07/2022/TT-BTC ngày 09 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài

sản khi chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 42/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 123/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2021.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. DATC, các doanh nghiệp chuyển đổi, cơ quan đại diện chủ sở hữu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy định tại Thông tư này.

6. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Công báo;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục DNNN (.....b).